TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 44/2026/QĐST- DS,	*Quảng Trị, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 87/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp chia thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn V, sinh năm: 1955; CCCD số: 044055004650; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm: 1951; CCCD số: 044151004423; địa chỉ thường trú: 5 Đường H, thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trương Văn H1, sinh năm: 1942; số CCCD số: 044042000167; Địa chỉ thường trú: Số F đường L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Phạm Thị Song N, sinh năm 1946; CCCD: 044146000118; địa chỉ: A L, TDP2 phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Trương Thị Hồng N1, sinh năm 1973; CCCD: 044173002402; địa chỉ: G Đ, TDP Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Trương Hồng C, sinh năm: 1975; CCCD số: 044075002041; địa chỉ: A T, TDP Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị

+ Bà Trương Thị Hồng A, sinh năm: 1979; CCCD số: 044179002816; địa chỉ: 2 H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị

+ Ông Trương Hồng Đ, sinh năm: 1983; CCCD số: 044083004363; địa chỉ: A L, TDP2 phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Cao Thị Ái H2, sinh năm: 1954; CCCD số: 042154001217; địa chỉ: 7 T, TDP8 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Trương Thành N2, sinh năm: 1984; CC số: 044084001697; địa chỉ thường trú: 112/2 D, TDP3, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định ông Trương Văn T, sinh năm 1914, chết ngày 25/5/1994 và bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1916, chết ngày 31/12/1991 là vợ chồng. Ông Trương Văn T và bà Trần Thị Đ1 chết không để lại di chúc.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Trương Văn T và bà Trần Thị Đ1 bao gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 401, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa đất số 125 tờ bản đồ số 30), địa chỉ: phường Đ, tỉnh Quảng Trị; diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.010 m^2 (trong đó đất ở 300 m^2, đất vườn 710 m^2); diện tích thực tế sử dụng: 1.000,9m^2 (xác định sai số do đo đạc) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 973467 do UBND thị xã Đ cấp ngày 24 tháng 5 năm 1993, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03762.QSDĐ/77/QĐ-UB mang tên Trương Văn T.

Tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1991, diện tích xây dựng 112,4m^2, mái lợp ngói; mái hiên lợp tôn; cổng và hàng rào xây bờ lô; tình trạng sử dụng tài sản: Ổn định, lâu dài, không có tranh chấp.

Ông Trương Văn V là người đang quản lý, sử dụng di sản.

3. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Trương Văn T và bà Trần Thị Đ1, gồm:

- Ông Trương Văn H1 (con đẻ);

- Ông Trương Văn T1 (con đẻ, đã chết năm 2004);

Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Trương Văn T1 gồm:

+ Bà Phạm Thị Song N (vợ ông T1);

+ Bà Trương Thị Hồng N1 (con đẻ ông T1);

+ Ông Trương Hồng C (con đẻ ông T1);

+ Bà Trương Thị Hồng A (con đẻ ông T1);

+ Ông Trương Hồng Đ (con đẻ ông T1);

- Bà Trương Thị H (con đẻ);

- Ông Trương Văn B (con đẻ, đã chết năm 2020);

Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Trương Văn B gồm:

+ Bà Cao Thị Ái H2 (vợ ông B);

+ Ông Trương Thành N2 (con đẻ ông B);

- Ông Trương Văn V (con đẻ);

4. Các ông, bà: Ông Trương Văn H1, bà Trương Thị H, bà Phạm Thị Song N, bà Trương Thị Hồng N1, ông Trương Hồng C, bà Trương Thị Hồng A, ông Trương Hồng Đ, bà Cao Thị Ái H2, ông Trương Thành N2 tự nguyện tặng kỷ phần

được hưởng thừa kế từ ông Trương Văn T và bà Trần Thị Đ1 cho ông Trương Văn V là: Quyền sử dụng thửa đất số 401, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa đất số 125 tờ bản đồ số 30), địa chỉ: phường Đ, tỉnh Quảng Trị; diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.010 m^2 (trong đó đất ở 300 m^2, đất vườn 710 m^2); diện tích thực tế sử dụng: 1.000,9m^2 (xác định sai số do đo đạc) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 973467 do UBND thị xã Đ cấp ngày 24 tháng 5 năm 1993, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03762.QSDĐ/77/QĐ-UB mang tên Trương Văn T. Tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1991, diện tích xây dựng 112,4m^2, mái lợp ngói; mái hiên lợp tôn; cổng và hàng rào xây bờ lô; tình trạng sử dụng tài sản: Ổn định, lâu dài, không có tranh chấp.

Ông Trương Văn V có quyền chủ động liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quyết định của Tòa án và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí*: Các đương sự trong vụ án thỏa thuận nguyên đơn ông Trương Văn V chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên ông Trương Văn V được miễn nộp tiền án phí.

- *Về chi phí tố tụng khác:* Các đương sự trong vụ án thỏa thuận nguyên đơn ông Trương Văn V chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 4.100.000 đồng (*Bốn triệu, một trăm nghìn đồng*), số tiền này ông Trương Văn V đã nộp tạm ứng và chi đủ, xác định ông Trương Văn V đã nộp đủ chi phí tố tụng khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo quyết định là sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND khu vực 1- Quảng Trị;
- THADS khu vực 1- Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang